

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/LĐ-ST
Ngày: 26-5-2020.
V/v tranh chấp tiền lương,
bảo hiểm xã hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Thịnh

2. Ông Phan Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền – Cán bộ Tòa án.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử công khai vụ án Lao động thụ lý số 47/2019/TLST-LĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-LĐ ngày 19/2/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST – LĐ ngày 12/3/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 14/TB - TA ngày 08/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

- Ông Lê Hoàng T, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Tổ B, khu phố B, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Có mặt).

- Ông Trần Quang T, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Tổ C, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Có mặt).

- Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ N, ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

- Ông Đặng Hữu T, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- Ông Nguyễn Văn X, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Tổ H, khu phố Phước L, xã M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Tổ P, ấp O, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

- Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Khu phố L, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ Y, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- Ông Nguyễn Trung T, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Tổ R, khu phố B, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Có mặt).

- Ông Dương Thanh Q, sinh năm 1971

Địa chỉ: E, ấp U, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

- Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần thép Q

Địa chỉ: Khu công nghiệp M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông D – Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh B

Địa chỉ: Số K, B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Duy H – Chức vụ: Giám đốc.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Ninh Văn P, sinh năm 1960 – Chức vụ: Trưởng phòng thanh tra kiểm tra (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, 13 nguyên đơn trình bày:

- Ông Hoàng Văn S làm việc tại Công ty cổ phần thép Q (gọi tắt là Công ty Q) vào năm 2013, ban đầu ký kết hợp đồng có xác định thời hạn là 01 năm, đến ngày 01/12/2015 ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hàng năm có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là chuyên gia hàn với mức lương cơ bản là 16.000.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo. Đến tháng 8/2016 ông nghỉ việc tại Công ty.

Ông S xác định hiện nay Công ty còn nợ ông 50% lương tháng 5/2016 là 12.599.800 đồng, 60% lương tháng 7/2016 là 11.529.800 đồng và 14 ngày lương tháng 8/2016 là 12.311.300 đồng, tổng cộng 36.440.900 đồng.

Nay ông S yêu cầu Công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán 50% lương tháng 5/2016 là 12.599.800 đồng, 60% lương tháng 7/2016 là 11.529.800 đồng và 14 ngày lương tháng 8/2016 là 12.311.300 đồng, tổng cộng là 36.440.900 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 7/2016.

- Ông Lê Hoàng T làm việc tại Công ty Q vào tháng 6/2010, năm 2010, năm 2011 lần lượt ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm, đến ngày 30/7/2012 ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty, hàng năm có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là Kỹ sư xây dựng với mức lương cơ bản là 32.755.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông 60% lương tháng 7/2016 là 24.625.500 đồng, lương tháng 9/2016 là 41.042.500 đồng, lương tháng 10/2016 là 41.042.500 đồng, tổng cộng 106.710.500 đồng. Ông không tiếp tục yêu cầu thanh toán tiền lương tháng 11/2016.

Nay ông T yêu cầu Công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán 60% lương tháng 7/2016 là 24.625.500 đồng, lương tháng 9/2016 là 41.042.500 đồng, lương tháng 10/2016 là 41.042.500 đồng, tổng cộng 106.710.500 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 10/2016.

- Ông Trần Quang T làm việc tại Công ty Q vào năm 2014, ký hợp đồng lao động thời hạn 01 năm, đến ngày 02/4/2016 ký tiếp hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm, thời gian hết hạn hợp đồng là 01/4/2017. Vị trí công việc là Thợ vận hành cầu với mức lương cơ bản là 4.100.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 5.956.400 đồng, lương tháng 10/2016 là 5.956.400 đồng, tổng cộng 11.912.800 đồng.

Nay ông T yêu cầu Công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán tháng 9/2016 là 5.956.400 đồng, lương tháng 10/2016 là 5.956.400 đồng, tổng cộng 11.912.800 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 10/2016.

- Ông Nguyễn Hữu L làm việc tại Công ty Q vào năm 2014, ký hợp đồng lao động thời hạn 01 năm, đến ngày 11/3/2016 tiếp tục ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm, thời gian hết hạn hợp đồng là 11/3/2017. Vị trí công việc là Giám sát phòng kế hoạch với mức lương cơ bản là 12.000.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông L xác định hiện nay Công ty còn nợ ông 60% lương tháng 7/2016 là 6.649.800 đồng, lương tháng 9/2016 là 11.043.000 đồng và lương tháng 10/2016 là 4.233.800 đồng, tổng cộng 21.926.600 đồng.

Nay ông L yêu cầu công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán 60% lương tháng 7/2016 là 6.649.800 đồng, lương tháng 9/2016 là 11.043.000 đồng và lương tháng 10/2016 là 4.233.800 đồng, tổng cộng 21.926.600 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 10/2016.

- Ông Đặng Hữu T làm việc tại Công ty Q vào năm 2012, ký hợp đồng lao động thời hạn 01 năm, đến năm 2014 ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương theo từng năm. Vị trí công việc là Thợ sơn với mức lương cơ bản là 4.600.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 5.307.900 đồng và lương tháng 10/2016 là 7.987.800 đồng, tổng cộng là 13.295.700 đồng.

Nay ông T yêu cầu Công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán lương tháng 9/2016 là 5.307.900 đồng và lương tháng 10/2016 là 7.987.800 đồng, tổng cộng là 13.295.700 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 10/2016.

- Ông Nguyễn Văn X làm việc tại Công ty Q vào tháng 3/2016, ký hợp đồng lao động thời hạn 01 năm, ngày hết hạn hợp đồng là 21/4/2017. Vị trí công việc là Thợ bắn cát với mức lương cơ bản là 4.500.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông X xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 4.500.000 đồng và lương tháng 10/2016 là 4.500.000 đồng, tổng cộng là 9.000.000 đồng.

Nay ông X yêu cầu Công ty Quatron cụ thể như sau: Thanh toán lương tháng 9/2016 là 4.500.000 đồng và lương tháng 10/2016 là 4.500.000 đồng, tổng cộng là 9.000.000 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2016 đến hết tháng 10/2016.

- Ông Nguyễn Quốc K làm việc tại Công ty Q vào năm 2011, ký hợp đồng lao động thời hạn 01 năm từ 2011 đến 2013, tháng 01/2013 ký kết hợp đồng không xác định thời hạn, hàng năm có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là Giám sát dự toán với mức lương cơ bản là 14.000.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo. Đến tháng 9/2016 ông nghỉ việc tại công ty.

Ông K xác định hiện nay Công ty còn nợ ông 50% lương tháng 6/2016 là 6.185.750 đồng; 60% lương tháng 7/2016 là 8.517.900 đồng và 19 ngày lương tháng 8/2016 là 9.030.800 đồng, tổng cộng là 23.734.450 đồng.

Nay ông K yêu cầu Công ty Q cụ thể như sau: thanh toán 50% lương tháng 6/2016 là 6.185.750 đồng; 60% lương tháng 7/2016 là 8.517.900 đồng và 19 ngày lương tháng 8/2016 là 9.030.800 đồng, tổng cộng là 23.734.450 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 8/2016.

- Ông Nguyễn Tấn C làm việc tại Công ty Q vào năm 2015, ký hợp đồng lao động thời hạn 01 ngày hết hạn hợp đồng là 05/5/2016, sau đó tiếp tục ký kết hợp đồng xác định thời hạn là 01 năm, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là Thợ hàn với mức lương cơ bản là 5.600.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông C xác định hiện nay Công ty còn nợ ông tháng 9/2016 là 6.752.700 đồng; lương tháng 10/2016 là 5.600.000 đồng, tổng cộng là 12.352.700 đồng. Ông C không yêu cầu công ty thanh toán tiền lương tháng 11/2016.

Nay ông C yêu cầu Công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán 6.752.700 đồng; lương tháng 10/2016 là 5.600.000 đồng, tổng cộng là 12.352.700 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 10/2016.

- Ông Nguyễn Tấn C làm việc tại Công ty Q vào năm 2014, ký kết hợp đồng lao động thời hạn 01 năm, đến năm 2015 ký kết hợp đồng không xác định thời hạn. Vị trí công việc là Thợ lắp với mức lương cơ bản là 5.200.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông C xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 6.752.700 đồng; lương tháng 10/2016 là 5.200.000 đồng, tổng cộng là 11.952.700 đồng, ông không yêu cầu công ty thanh toán tiền lương tháng 11/2016.

Nay ông C yêu cầu Công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán lương tháng 9/2016 là 6.752.700 đồng; lương tháng 10/2016 là 5.200.000 đồng, tổng cộng là 11.952.700 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 10/2016.

- Ông Nguyễn Trung T làm việc tại Công ty Q vào năm 2009, ký kết hợp đồng lao động thời hạn 01 năm trong 2010, 2011, đến năm 2012 ký kết hợp đồng không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là Nhân viên bảo trì với mức lương cơ bản là 5.200.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 7.970.100 đồng; lương tháng 10/2016 là 5.200.000 đồng, tổng cộng là 13.170.100 đồng. Ông không yêu cầu công ty thanh toán tiền lương tháng 11/2016.

Nay ông T yêu cầu Công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán lương tháng 9/2016 là 7.970.100 đồng; lương tháng 10/2016 là 5.200.000 đồng, tổng cộng là 13.170.100 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 10/2016.

- Ông Dương Thanh Q làm việc tại Công ty Q vào năm 2012, ký kết hợp đồng lao động thời hạn 01 năm trong 2012, 2013, đến năm 2014 ký kết hợp đồng không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là Kỹ sư cơ khí phụ trách quản lý kho và bảo trì với mức lương cơ bản là 16.800.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông Q xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 19.487.600 đồng và lương tháng 10/2016 là 24.822.600 đồng. Tổng cộng là 44.310.200 đồng. Ông không yêu cầu công ty thanh toán tiền lương tháng 11/2016.

Nay ông Q yêu cầu Công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán lương tháng 9/2016 là 19.487.600 đồng và lương tháng 10/2016 là 24.822.600 đồng, tổng cộng là 44.310.200 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 10/2016.

- Ông Nguyễn Duy H làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào năm 2009, ký kết hợp đồng lao động thời hạn 01 năm trong 2010, 2011, đến năm 2012 ký kết hợp đồng không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là Tổ trưởng sản xuất với mức lương cơ bản là 6.500.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông H xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 6.919.200 đồng và lương tháng 10/2016 là 6.500.000 đồng, tổng cộng là 13.419.200 đồng.

Nay ông H yêu cầu Công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán lương tháng 9/2016 là 6.919.200 đồng và lương tháng 10/2016 là 6.500.000 đồng, tổng cộng là 13.419.200 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 10/2016.

- Ông Nguyễn Văn Đ làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào năm 2010, ký kết hợp đồng lao động thời hạn 01 năm sau đó ký kết hợp đồng không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là Thợ hàn với mức lương cơ bản là 5.900.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo. Đến tháng 9/2016 ông nghỉ việc tại công ty.

Ông Đ xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 8/2016 là 7.689.700 đồng và lương tháng 9/2016 là 6.891.300 đồng, tổng cộng là 14.581.000 đồng.

Nay ông Đ yêu cầu Công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán lương tháng 8/2016 là 7.689.700 đồng và lương tháng 9/2016 là 6.891.300 đồng, tổng cộng là 14.581.000 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 9/2016.

Ý kiến của đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh B như sau:

Tính từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 Công ty cổ phần thép Q tiếp tục phát sinh nợ quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 5.753.432.474 đồng; Lãi chậm nộp: 1.516.262.883 đồng. Tổng số nợ Bảo hiểm xã hội của Công ty cổ phần thép Q từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 là 7.269.695.357 đồng. Tổng số nợ Bảo hiểm xã hội của Công ty cổ phần thép Q đối với các ông Hoàng Văn S, Lê Hoàng T, Nguyễn Văn Đ, Trần Quang T, Nguyễn Hữu L, Đặng Hữu T, Nguyễn Văn X, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Trung T, Dương Thanh Q và Nguyễn Duy H là 528.652.609 đồng, trong đó nợ quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 408.053.401 đồng và nợ tiền lãi phát sinh do chậm nộp là 120.599.208 đồng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì Bảo hiểm xã hội tỉnh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Q đóng số tiền bảo hiểm xã hội còn nợ đối với các nguyên đơn trên để các nguyên đơn được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn là Công ty Q: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Q vắng mặt, không gửi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã

được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán các khoản tiền lương cho 13 nguyên đơn và phải đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu của người lao động. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: 13 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần thép Q thanh toán tiền lương còn nợ và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật, nên tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội”. Công ty cổ phần thép Q có trụ sở chính tại Khu công nghiệp M, phường M, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tranh chấp giữa các bên đã được hòa giải nhưng không thành nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn - Công ty Q không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan và đại diện bảo hiểm xã hội tỉnh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng lao động đã ký kết giữa các đồng nguyên đơn và Công ty cổ phần thép Q thấy:

Về hình thức và thẩm quyền giao kết hợp đồng: Các nguyên đơn giao kết hợp đồng lao động với Công ty Q thông qua người đại diện là ông D – Chức vụ Tổng Giám đốc, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 24 Bộ luật lao động.

Căn cứ các Điều 15, 16, 22 và Điều 25 Bộ luật lao động, Điều 1 của các Hợp đồng lao động được ký kết giữa các nguyên đơn và Công ty Q, Hội đồng xét xử xác định việc giao kết hợp đồng giữa các bên có hiệu lực pháp luật.

Về nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng: Theo nội dung hợp đồng lao động đã ký kết giữa các bên thể hiện thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 7 (không tính chủ nhật), tháng làm việc được tính từ ngày 21 tháng này đến ngày 20 tháng sau, việc trả lương theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân thông qua hệ thống ngân hàng và lương được trả vào ngày 05

mỗi tháng, ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo ngày công thực tế và tình hình công việc cụ thể hàng tháng được giao.

Quá trình thực hiện hợp đồng của các ông Hoàng Văn S, Lê Hoàng T, Nguyễn Văn Đ, Trần Quang T, Nguyễn Hữu L, Đặng Hữu T, Nguyễn Văn X, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Trung T, Dương Thanh Q và Nguyễn Duy H đã thực hiện đầy đủ nội dung và yêu cầu công việc theo hợp đồng lao động đã ký kết.

Theo trình bày của các nguyên đơn trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty Q đến khoảng giữa năm 2016 Công ty lâm vào tình trạng khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên chậm trả lương cho người lao động.

Đối chiếu với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp và chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định Công ty Q nợ tiền điện nên Điện lực Tân Thành (nay là Điện lực thị xã Phú Mỹ) đã có thông báo ngừng cung cấp điện vào ngày 12/11/2016, khi ngừng cung cấp điện thì người lao động không có đủ điều kiện làm việc nên từ ngày 14/11/2016 toàn bộ người lao động của Công ty đã nghỉ việc. Như vậy, có cơ sở để xác định Công ty Q đã chính thức ngừng hoạt động từ ngày 14/11/2016. Việc ngừng hoạt động của Công ty không được Ban giám đốc Công ty thông báo đến người lao động và các cơ quan chức năng có thẩm quyền, cho nên Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thông báo cho người lao động được biết về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động.

Tại các bản sao kê tài khoản cá nhân tại Ngân hàng của nguyên đơn cung cấp và đối chiếu với các chứng từ kế toán mà Tòa án thu thập tại phòng kế toán của Công ty cũng như các phiếu lương người lao động cung cấp xác định Công ty vẫn còn nợ lương người lao động.

Như vậy phía Công ty thép Q đã vi phạm nghĩa vụ “bảo đảm việc làm, thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng, cụ thể lương của người lao động được chuyển vào tài khoản cá nhân vào ngày 5 mỗi tháng”, được quy định tại Điều 3, Điều 4 các hợp đồng lao động, Điều 96 Bộ luật lao động, Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ - CP ngày 12 tháng 01 năm 2015. Do đó lỗi dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa các nguyên đơn và Công ty là hoàn toàn thuộc về Công ty Q.

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để tuyên bố chấm dứt các hợp đồng lao động đã ký kết giữa các ông Hoàng Văn S, Lê Hoàng T, Nguyễn Văn Đ, Trần Quang T, Nguyễn Hữu L, Đặng Hữu T, Nguyễn Văn X, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Trung T, Dương Thanh Q và Nguyễn Duy H với Công ty Q kể từ ngày 31/10/2016.

[2.2] Đối với yêu cầu về thanh toán tiền lương của các nguyên đơn thì thấy:

Do Công ty Q không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án đối chiếu với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xác định thời gian Công ty Q nợ lương và số tiền nợ cụ thể của 13 nguyên đơn.

Các nguyên đơn đã cung cấp các phiếu lương bản phô tô, không có chữ ký của đại diện Công ty, không có mộc dấu của Công ty. Tuy nhiên đối chiếu với bản chính Bảng chuyển lương ngân hàng cho nhân viên Việt Nam tháng 9/2016 do bộ phận kế toán Công ty lập và có chữ ký của ông K (là giám đốc nhân sự) xác định lương tháng 9/2016 mà các nguyên đơn yêu cầu Công ty thanh toán là trùng khớp với nhau và trùng khớp với các phiếu lương gửi đến người lao động. Các nguyên đơn xác định đến cuối mỗi tháng đều nhận được phiếu lương do phòng nhân sự cung cấp để thông báo cụ thể ngày công, tiền lương, tiền làm thêm giờ, các khoản phụ cấp và số tiền cụ thể trích đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động của Công ty, các phiếu lương từ trước đến nay người lao động được nhận đều là bản phô tô, không có chữ ký, không có mộc dấu của Công ty nhưng các phiếu lương này đều được người lao động thừa nhận và phù hợp với các chứng cứ Tòa án thu thập được nên có cơ sở lấy phiếu lương các nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở tính số tiền các nguyên đơn thực nhận sau thời gian làm việc của mỗi tháng. Đối với các nguyên đơn không cung cấp được các phiếu lương, Hội đồng xét xử cũng không có căn cứ để đối chiếu mức lương thực nhận thì Hội đồng xét xử sẽ lấy mức lương cơ bản trừ đi tiền đóng các khoản bảo hiểm để tính toán mức lương Công ty Q phải thanh toán cho các nguyên đơn.

Cụ thể xét yêu cầu của 13 nguyên đơn:

Ông Hoàng Văn S yêu cầu thanh toán 50% lương tháng 5/2016; 60% lương tháng 7/2016 và 14 ngày lương tháng 8/2016: Tại bản sao kê tài khoản cá nhân của Ngân hàng do ông S cung cấp và đối chiếu với phiếu lương các tháng 5, 7 và 8/2016 của ông S xác định Công ty Q còn nợ lương của ông S nên cần buộc Công ty Q thanh toán tiền lương cho ông S cụ thể là: 50% lương tháng 5/2016 là 12.599.100 đồng, 60% lương tháng 7/2016 là 11.529.780 đồng và 14 ngày lương tháng 8/2016 là 12.311.300 đồng, tổng cộng là 36.440.180 đồng.

Ông Lê Hoàng T yêu cầu thanh toán 60% lương tháng 7/2016; 100% lương tháng 9 và tháng 10/2016: Tại bản sao kê tài khoản cá nhân của Ngân hàng do ông Triều cung cấp xác định Công ty Q mới thanh toán cho ông T 40% lương tháng 7/2016, chưa thanh toán lương tháng 9, tháng 10/2016, tuy nhiên ông T không cung cấp được các phiếu lương tháng 7, 9 và 10/2016 nên chỉ có thể xem xét buộc Công ty Q thanh toán cho ông T 60% lương tháng 7/2016 là 22.174.800 đồng, lương tháng 9/2016 là 36.908.000 đồng và lương tháng 10/2016 (Theo mức lương cơ bản tại hợp đồng là 32.755.000 đồng trừ đi 8% bảo hiểm xã hội, 1,5% bảo hiểm y tế, 1% bảo hiểm thất nghiệp) là 29.315.725 đồng, tổng cộng: 88.398.525 đồng.

Ông Trần Quang T yêu cầu thanh toán 100% lương tháng 9, tháng 10/2016: Tại bản sao kê tài khoản cá nhân của Ngân hàng do ông T cung cấp xác định Công ty Q mới thanh toán tiền lương cho ông T đến hết tháng 8/2016, chưa thanh toán tiền lương tháng 9, tháng 10/2016. Ông T không cung cấp được phiếu lương tháng 9, tháng 10/2016 do đó xem xét buộc Công ty Q thanh toán cho ông T lương tháng 9/2016 là 5.956.400 đồng và lương tháng 10/2016 (Theo mức lương cơ bản tại hợp đồng là 4.100.000 đồng trừ đi 8% bảo hiểm xã hội,

1,5% bảo hiểm y tế, 1% bảo hiểm thất nghiệp) là 3.669.500 đồng, tổng cộng: 9.625.900 đồng.

Ông Nguyễn Hữu L yêu cầu thanh toán 60% lương tháng 7/2016, 100% lương tháng 9 và tháng 10/2016: Tại bản sao kê tài khoản cá nhân của Ngân hàng do ông L cung cấp đối chiếu với phiếu lương tháng 7, tháng 10/2016 do ông L xác định Công ty Q chỉ mới tháng toán 40% lương tháng 7/2016 cho ông L, chưa thanh toán lương tháng 9, tháng 10/2016. Do đó xem xét buộc Công ty Q thanh toán cho ông L 60% lương tháng 7/2016 là 6.649.800 đồng, 100% lương tháng 9 là 11.043.000 đồng và 100% lương tháng 10/2016 là 4.233.800 đồng, tổng cộng: 21.926.600 đồng.

Ông Đặng Hữu T yêu cầu thanh toán 100% lương tháng 9 và tháng 10/2016: Tại bản sao kê tài khoản cá nhân của Ngân hàng do ông T cung cấp xác định Công ty Q chưa thanh toán tiền lương tháng 9, 10/2016 cho ông T, đối chiếu với mức lương tháng 9 và tháng 10/2016 tại phiếu lương tháng 10/2016 do ông T cung cấp và chứng cứ Tòa án thu thập cần buộc Công ty Q thanh toán cho ông T 100% lương tháng 9/2016 là 5.307.900 đồng và lương tháng 10/2016 là 7.987.800 đồng, tổng cộng: 13.295.700 đồng.

Ông Nguyễn Văn X yêu cầu thanh toán 100% lương tháng 9 và tháng 10/2016: Tại bản sao kê tài khoản cá nhân của Ngân hàng do ông X cung cấp xác định Công ty Q chưa thanh toán tiền lương tháng 9, 10/2016 cho ông X. Đối chiếu với mức lương tháng 9 và tháng 10/2016 tại phiếu lương tháng 10/2016 do ông X cung cấp và chứng cứ Tòa án thu thập cần buộc Công ty Q thanh toán cho ông X 100% lương tháng 9/2016 là 4.427.400 đồng và lương tháng 10/2016 là 7.544.800 đồng, tổng cộng: 11.972.200 đồng.

Ông Nguyễn Quốc K yêu cầu thanh toán 50% lương tháng 6/2016, 60% lương tháng 7/2016 và 19 ngày lương tháng 8/2016: Tại bản sao kê tài khoản ngân hàng do ông K cung cấp xác định ông K đã được Công ty Q thanh toán toàn bộ tiền lương tháng 6/2016 trong các ngày 29/6/2016 và 20/7/2016, thanh toán 40% lương tháng 7/2016 chưa thanh toán 60% lương tháng 7/2016 và 19 ngày lương tháng 8/2016. Như vậy ông K yêu cầu thanh toán 50% lương tháng 6/2016 là không có căn cứ để chấp nhận. Đối chiếu với phiếu lương tháng 7, 8/2016 do ông K cung cấp chỉ có thể buộc Công ty Q thanh toán cho ông K 60% lương tháng 7/2016 là 8.517.900 đồng và 19 ngày lương tháng 8/2016 là 9.030.800 đồng, tổng cộng: 17.548.700 đồng.

Ông Nguyễn Tấn C yêu cầu thanh toán 100% lương tháng 9 và tháng 10/2016: Tại bản sao kê tài khoản cá nhân của Ngân hàng do ông C cung cấp xác định Công ty Q chưa thanh toán tiền lương tháng 9, 10/2016 cho ông C. Đối chiếu với mức lương tháng 9 và tháng 10/2016 tại phiếu lương tháng 10/2016 do ông C cung cấp và chứng cứ Tòa án thu thập cần buộc Công ty Q thanh toán cho ông C 100% lương tháng 9/2016 là 6.752.700 đồng và lương tháng 10/2016 là 7.113.700 đồng, tổng cộng: 13.866.400 đồng.

Ông Nguyễn Tấn C yêu cầu thanh toán 100% lương tháng 9 và tháng 10/2016: Tại bản sao kê tài khoản cá nhân của Ngân hàng do ông C cung cấp xác định Công ty Q chưa thanh toán tiền lương tháng 9 và tháng 10/2016 cho

ông C. Ông C không cung cấp được phiếu lương tháng 9, tháng 10/2016 do đó xem xét buộc Công ty Q thanh toán cho ông C lương tháng 9/2016 là 4.153.200 đồng (Theo bảng chuyển lương ngân hàng cho công nhân tháng 9/2016) và lương tháng 10/2016 (Theo mức lương cơ bản tại hợp đồng là 5.200.000 đồng trừ đi 8% bảo hiểm xã hội, 1,5% bảo hiểm y tế, 1% bảo hiểm thất nghiệp) là 4.654.000 đồng, tổng cộng: 8.807.200 đồng.

Ông Nguyễn Trung T yêu cầu thanh toán 100% lương tháng 9 và tháng 10/2016: Tại bản sao kê tài khoản cá nhân do ông T cung cấp xác định Công ty Q chưa thanh toán tiền lương tháng 9 và tháng 10/2016 cho ông T. Ông T không cung cấp được phiếu lương tháng 9, tháng 10/2016 do đó xem xét buộc Công ty Q thanh toán cho ông T lương tháng 9/2016 là 7.970.100 đồng (Theo bảng chuyển lương ngân hàng cho công nhân tháng 9/2016) và lương tháng 10/2016 (Theo mức lương cơ bản tại hợp đồng là 5.200.000 đồng trừ đi 8% bảo hiểm xã hội, 1,5% bảo hiểm y tế, 1% bảo hiểm thất nghiệp) là 4.654.000 đồng, tổng cộng: 12.624.100 đồng.

Ông Dương Thanh Q yêu cầu thanh toán 100% lương tháng 9 và tháng 10/2016: Tại bản sao kê tài khoản cá nhân của Ngân hàng do ông Q cung cấp xác định Công ty Q chưa thanh toán tiền lương tháng 9 và tháng 10/2016 cho ông Q. Đối chiếu với mức lương tháng 9 và tháng 10/2016 tại phiếu lương tháng 10/2016 do ông Q cung cấp và chứng cứ Tòa án thu thập cần buộc Công ty Q thanh toán cho ông Quang 100% lương tháng 9/2016 là 19.487.600 đồng và lương tháng 10/2016 là 24.822.600 đồng, tổng cộng: 44.310.200 đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu thanh toán 100% lương tháng 8 và tháng 9/2016: Tại bản sao kê tài khoản ngân hàng do ông Đ cung cấp đối chiếu với phiếu lương tháng 8/2016 xác định ông đã nhận đủ lương tháng 8/2016, thể hiện ngày 06/9/2016 Công ty Q chuyển khoản cho ông 30% lương tháng 8 với số tiền 1.687.260 đồng, ngày 16/9/2016 Công ty chuyển khoản 3.936.940 đồng, tổng cộng 5.624.200 đồng. Do đó ông Đ yêu cầu Công ty Q thanh toán lương tháng 8/2016 là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu thanh toán lương tháng 9/2016 thì thấy: Ông Đ cung cấp Quyết định thôi việc vào ngày 25/9/2016 tuy nhiên không cung cấp được phiếu lương tháng 9, tại bảng chuyển lương qua ngân hàng của Công ty Q cho công nhân tháng 9/2016 không có tên ông Đ trong danh sách chuyển lương. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền lương tháng 9/2016 của ông Đ.

Ông Nguyễn Duy H yêu cầu thanh toán 100% lương tháng 9 và tháng 10/2016: Tại bản sao kê tài khoản cá nhân do ông H cung cấp xác định Công ty Q chưa thanh toán tiền lương tháng 9 và tháng 10/2016 cho ông H. Ông H cung cấp được phiếu lương tháng 9, không cung cấp được phiếu lương tháng 10/2016 do đó xem xét buộc Công ty Q thanh toán cho ông H lương tháng 9/2016 là 6.919.200 đồng và lương tháng 10/2016 (Theo mức lương cơ bản tại hợp đồng là 6.500.000 đồng trừ đi 8% bảo hiểm xã hội, 1,5% bảo hiểm y tế, 1% bảo hiểm thất nghiệp) là 5.817.500 đồng, tổng cộng: 12.736.700 đồng.

Từ những nhận định trên và căn cứ vào Điều 37, Điều 90, Điều 96 Bộ luật Lao động, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S, Lê Hoàng T, Nguyễn Văn Đ, Trần Quang T, Nguyễn Hữu L, Đặng Hữu T, Nguyễn Văn X, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Trung T, Dương Thanh Q và Nguyễn Duy H về việc yêu cầu thanh toán tiền lương. Buộc Công ty Q thanh toán các khoản tiền lương còn thiếu cho các nguyên đơn trên. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về thanh toán tiền lương tháng 8 và tháng 9/2016 của ông Nguyễn Văn Đ.

[2.3] Xét yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội của các nguyên đơn thì thấy:

Theo các chứng cứ của Bảo hiểm xã hội tỉnh B cung cấp và xác nhận của người lao động thì hiện nay Công ty Q còn nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động từ tháng 01/2014 đến ngày 31/10/2016. Tuy nhiên ngày 29/5/2015 Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ) đã ban hành quyết định số 18/2015/QĐST – LĐ với nội dung Công ty cổ phần thép Q có nghĩa vụ nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh B số tiền 8.150.610.189 đồng, được chốt đến ngày 30/4/2015 trong đó có 13 nguyên đơn trong vụ án này. Hiện nay Công ty cổ phần thép Q tiếp tục phát sinh nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tính từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 của 13 nguyên đơn với tổng số tiền là 408.053.401 đồng, tiền lãi phát sinh là 120.599.208 đồng, tổng cộng là 528.652.609 đồng.

Cụ thể số tiền Công ty Q nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với 13 nguyên đơn trên như sau:

Đối với ông Hoàng Văn S: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2015 đến tháng 7/2016 là 52.558.990 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 13.851.426 đồng, tổng cộng 66.410.415 đồng.

Đối với ông Lê Hoàng T: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2016 là 103.816.575 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 27.359.879 đồng, tổng cộng 131.176.454 đồng.

Đối với ông Trần Quang T: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2016 là 17.105.580 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 4.508.014 đồng, tổng cộng 21.613.594 đồng.

Đối với ông Nguyễn Hữu L: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2016 là 43.380.145 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 11.432.428 đồng, tổng cộng 54.812.573 đồng.

Đối với ông Đặng Hữu T: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2016 là 16.567.328 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 4.365.109 đồng, tổng cộng 20.928.437 đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn X: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2016 đến tháng 10/2016 là 6.654.909 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 1.753.838 đồng, tổng cộng 8.408.747 đồng.

Đối với ông Nguyễn Quốc K: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2015 đến tháng 8/2016 là 49.788.576 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 13.121.309 đồng, tổng cộng 62.909.885 đồng.

Đối với ông Nguyễn Tấn C: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2016 là 25.032.175 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 6.599.630 đồng, tổng cộng 31.641.804 đồng.

Đối với ông Nguyễn Tấn C: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2016 là 21.985.847 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 5.794.162 đồng, tổng cộng 27.780.009 đồng.

Đối với ông Nguyễn Trung T: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2016 là 21.394.300 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 5.638.266 đồng, tổng cộng 27.032.565 đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2016 là 25.954.144 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 6.839.970 đồng, tổng cộng 32.794.113 đồng.

Đối với ông Dương Thanh Q: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2016 là 70.652.946 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 18.619.918 đồng, tổng cộng 89.272.864 đồng.

Đối với ông Nguyễn Duy H: Công ty Q nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2016 là 27.161.886 đồng; lãi chậm trả đến ngày 31/10/2016 là 7.158.259 đồng, tổng cộng 34.320.145 đồng.

Căn cứ theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động và người sử dụng lao động thì hàng tháng Công ty thép Q đã thu quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của 13 người lao động nhưng không nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh B. Như vậy Công ty thép Q đã vi phạm Điều 17, Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các nguyên đơn cũng như quyền lợi của Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh B nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn đối với Công ty cổ phần thép Q về việc buộc Công ty cổ phần thép Q phải đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho các nguyên đơn từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc Công ty thép Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm về tranh chấp tiền lương với số tiền $291.552.405 \text{ đồng} \times 3\% = 8.746.000\text{đ}$ (Tám triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Công ty thép Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội của các nguyên đơn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 36, Điều 37, Điều 90 Bộ luật lao động; Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các Hoàng Văn S, Lê Hoàng T, Trần Quang T, Nguyễn Hữu L, Đặng Hữu T, Nguyễn Văn X, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Trung T, Dương Thanh Q và Nguyễn Duy H về “Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội” đối với Công ty cổ phần thép Q.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về “Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội” đối với Công ty cổ phần thép Q.

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q01259-2015 ngày 01/01/2015 được ký kết giữa ông Hoàng Văn S với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Hoàng Văn S 50% lương tháng 5/2016; 60% lương tháng 7/2016 và 14 ngày lương tháng 8/2016 là 36.440.180 đồng (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn một trăm tám mươi đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00211-2012 ngày 30/7/2012 được ký kết giữa ông Lê Hoàng T với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Lê Hoàng T 60% lương tháng 7/2016, 100% lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 88.398.525 đồng (Tám mươi tám triệu, ba trăm chín mươi tám ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q01525-2016 ngày 02/4/2016 được ký kết giữa ông Trần Quang T với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Trần Quang T 100% lương tháng 9/2016 và lương tháng 10/2016 là 9.625.900 đồng (Chín triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00557-2016 ngày 11/3/2016 được ký kết giữa ông Nguyễn Hữu L với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Nguyễn Hữu L 60% lương tháng 7/2016, 100% lương tháng 9 và tháng 10/2016 là 21.926.600 đồng (Hai mươi một triệu, chín trăm hai sáu ngàn sáu trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00941-2014 ngày 07/9/2014 được ký kết giữa ông Đặng Hữu T với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Đặng Hữu T tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 13.295.700 đồng (Mười ba triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn bảy trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q01627-2016 ngày 22/4/2016 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn X với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Nguyễn Văn X tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 11.972.200 đồng (Mười một triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm đồng).

- Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Nguyễn Quốc K 60% lương tháng 7/2016, 19 ngày lương tháng 8/2016 là 17.548.700 đồng (Mười bảy triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q01217 – 2015 ngày 06/5/2015 được ký kết giữa ông Nguyễn Tấn C với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Nguyễn Tấn C tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 13.866.400 đồng (Mười ba triệu, tám trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00044-2014 ngày 02/4/2014 được ký kết giữa ông Nguyễn Tấn C với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Nguyễn Tấn C lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 8.807.200 đồng (Tám triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn hai trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00147-2012 ngày 30/4/2012 được ký kết giữa ông Nguyễn Trung T với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Nguyễn Trung T tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 12.624.100 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm hai mươi bốn ngàn một trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q01072 - 2014 ngày 16/12/2014 được ký kết giữa ông Dương Thanh Q với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Dương Thanh Q tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 44.310.200 đồng (Bốn mươi bốn triệu, ba trăm mười ngàn hai trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00140-2012 ngày 12/4/2012 được ký kết giữa ông Nguyễn Duy H với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Nguyễn Duy H tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 12.736.700 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm đồng).

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với Công ty cổ phần thép Q yêu cầu thanh toán lương tháng 8/2016 là 7.689.700 đồng và lương tháng 9/2016 là 6.891.300 đồng, tổng cộng là 14.581.000đ (mười bốn triệu, năm trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội gồm (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu cho các ông Lê Hoàng T, Trần Quang T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Hữu L, Đặng Hữu T, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Trung T, Dương Thanh Q và Nguyễn Duy H từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016; Riêng ông Hoàng Văn S tính từ ngày 01/5/2015 đến tháng 7/2016, ông Nguyễn Quốc K tính từ ngày 01/5/2015 đến tháng 8/2016 và ông Nguyễn Văn X tính từ tháng 5/2016 đến ngày 31/10/2016.

3. Mức đóng và số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất mã Công ty cổ phần thép Quatron phải đóng vào Quỹ bảo hiểm được áp dụng và tính theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty cổ phần thép Q phải nộp 9.046.000 đồng (Chín triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Xuân Hưng

